

Chương trình Toán tiểu học Cùng Học Toán

Bản thiết kế 1.0, ngày 23/10/2026. Đây là khung chương trình và gói mẫu để thử nghiệm, chưa phải bộ học liệu hoàn chỉnh cho cả năm lớp 1 hoặc toàn bộ lớp 1-5. Chưa xuất bản lên website. Nội dung đề xuất được tự biên soạn; các ngưỡng kiểm tra và lịch học dưới đây là quy tắc thử của Cùng Học Toán, không phải quy định của Kumon hay Bộ GDĐT.

1. Quyết định triển khai

Thiết kế toàn bộ lộ trình lớp 1-5 ngay từ đầu, nhưng sản xuất và thử nghiệm trước mô-đun nền tảng lớp 1. Có nhánh riêng “Làm quen với Toán” cho trẻ trước lớp 1. Nhánh này sử dụng trò chơi, đồ vật, quan sát và trao đổi; không tổ chức dạy trước chương trình chính thức của lớp 1.

Tên công khai nên là “Toán tiểu học – Cùng Học Toán”. Trên trang giới thiệu phương pháp có thể nêu việc tham khảo các nguyên tắc tự học, cá nhân hóa và bước nhỏ từ Kumon; không trình bày chương trình tự biên soạn này như một chương trình Kumon chính thức.

Mục tiêu là trẻ hiểu số và quan hệ toán học, tính đúng ngày càng chủ động, biết giải thích bằng lời/hình/đồ vật, vận dụng vào tình huống mới và hình thành thói quen tự kiểm tra. Học nhanh hơn chỉ là một khả năng, không phải tiêu chí xếp hạng trẻ.

2. Nguồn và cách đọc kết luận

Khung kiến thức phải đối chiếu Chương trình GDPT môn Toán ban hành kèm Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT và các sửa đổi có liên quan đang áp dụng. Phần trước lớp 1 đối chiếu chương trình mầm non và hướng dẫn năm học hiện hành. Hồ sơ [research/VIET_NAM.md](#) ghi chi tiết văn bản, mục, trang và giới hạn áp dụng; cần dùng bản này khi nghiệm thu từng học phần.

Kumon công khai mô tả việc học ở trình độ phù hợp, chia nhỏ bước, học hằng ngày, đọc ví dụ rồi tự làm, sửa lỗi và được người hướng dẫn điều chỉnh. Đây là mô tả phương pháp của nhà cung cấp, không tự nó chứng minh mọi thành phần sẽ hiệu quả với mọi trẻ. Không dùng tuyên bố quảng bá để hứa trẻ sẽ vượt lớp hay đạt một tốc độ nhất định. Hồ sơ [research/KUMON.md](#) phân biệt phương pháp, nghiên cứu được tìm thấy và giới hạn suy rộng.

IES/WWC và NAEYC-NCTM bổ sung căn cứ cho việc đi theo tiến trình phát triển, học qua tình huống và đồ vật, quan sát tiến bộ, và giữ cả hình học, đo lường, quy luật, dữ liệu. Bản thiết kế không xem luyện phép tính là toàn bộ học toán. Các nguồn được ghi ở [research/EARLY_MATH.md](#).

3. Những nguyên tắc áp dụng từ Kumon

Nguyên tắc công khai	Cách chuyển thành chương trình của trung tâm
Điểm bắt đầu vừa sức	Khảo sát từng kỹ năng; cho trẻ bắt đầu tại phần đã có nền chắc. Không mặc định mọi trẻ phải làm từ trang đầu hoặc theo cùng tuổi/lớp.
Tiến từng bước nhỏ	Mỗi bài có một mục tiêu mới rõ; mỗi lần chỉ tăng một nguồn khó như phạm vi số, cách biểu diễn, số bước hoặc mức tự chủ.
Tự học từ ví dụ	Một ví dụ ngắn, dễ đối chiếu; chỉ dẫn có thể nghe/được đọc; trẻ tự thử trước khi người lớn giải thích tiếp.
Luyện đều và ôn có chủ đích	Một lượng bài ngắn phù hợp; ôn lại đúng phần còn yếu, thay đổi số và bối cảnh để kiểm tra hiểu. Không ép lặp cả tập khi chỉ sai một bước.
Tự sửa và người hướng dẫn quan sát	Giữ câu trả lời đầu tiên, gọi trẻ tìm bước sai, cho làm lại bằng cách biểu diễn khác; ghi cả mức trợ giúp, không chỉ đáp số sau sửa.
Điều chỉnh theo kết quả	Lên bước mới khi có bằng chứng qua nhiều lần làm và một tình huống chuyển giao. Thời gian chỉ dùng để nhận ra quá tải hoặc thay đổi độ trôi chảy.

Chương trình sẽ thêm các phần cần cho mục tiêu Việt Nam: giải toán, ngôn ngữ toán học, hình học, đo lường, đọc dữ liệu và hoạt động khám phá. Không đặt tính nhanh, học vượt lớp hoặc làm hết số trang làm điều kiện duy nhất để thành công.

4. Hai cửa vào

Làm quen với Toán trước lớp 1

Dành cho trẻ trước lớp 1, hoặc dùng một số hoạt động để hỗ trợ trẻ lớn hơn còn thiếu nền tảng. Người lớn có thể đọc yêu cầu, cho trẻ chỉ/chọn/xếp/nói; việc chưa biết đọc hoặc viết số không được đánh đồng với chưa hiểu số lượng.

Sáu cụm hoạt động đề nghị: (1) ghép tương ứng một-một và đếm nhóm nhỏ; (2) nhận ra tổng số sau khi đếm, dù đồ vật đổi chỗ; (3) nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau qua ghép cặp; (4) tách-gộp nhóm nhỏ bằng đồ vật; (5) phân loại, hình dạng, vị trí và quy luật đơn giản; (6) so sánh độ dài trực tiếp, sắp thứ tự và ghi nhận dữ liệu đời sống bằng hình. Phạm vi số và mức lời nói được điều chỉnh theo trẻ; không lấy biết viết trước chữ số hay làm phép tính trên giấy làm mục tiêu chính.

Thử 5-10 phút một hoạt động, có thể dừng sớm. Dùng khối xếp, que lớn, đồ dùng an toàn hoặc tranh. Với trẻ nhỏ cần giám sát khi dùng vật rời; không yêu cầu trẻ ngồi tự học với màn hình kéo dài. Không có bài kiểm tra tốc độ hoặc bắt buộc hoàn thành một lượng phiếu hằng ngày.

Lớp 1 và các lớp sau

Khảo sát đầu vào ngắn bằng các nhiệm vụ đã học, tách năng lực toán với đọc hiểu chỉ dẫn và vận động viết. Chọn điểm vào riêng cho số học và các mạch khác; trẻ tính khá vẫn có thể cần học đo lường hoặc diễn đạt tình huống. Trẻ chưa vững kỹ năng nào sẽ học mô-đun bổ trợ kỹ năng đó, không bị gán nhãn một mức năng lực chung.

5. Cấu trúc một học phần và một buổi

Một học phần có: mục tiêu; điều kiện cần biết; khảo sát đầu vào; các bài bước nhỏ; bài ôn; nhiệm vụ đời sống; hai dạng kiểm tra; hướng dẫn phụ huynh/giáo viên; đáp án và lỗi thường gặp. Mỗi mục tiêu có ít nhất một cách đánh giá không chỉ dựa vào viết đáp số.

Với lớp 1, thử một buổi 10–15 phút và tối đa khoảng 20 phút nếu trẻ còn hứng thú. Đây là giả định thí điểm, không phải thời lượng chuẩn đã được kiểm chứng. Có thể tách thành hai lượt ngắn hoặc đổi sang đồ vật. Không áp lịch lớp online 90 phút đã công khai thành thời lượng tự luyện bắt buộc của trẻ nhỏ; quy cách lớp nhỏ tuổi cần thiết kế riêng trước khi mở bán.

Nhiệm đề nghị: 1–2 phút gợi nhớ; 2–3 phút xem/làm ví dụ; 4–6 phút tự làm khoảng 4–8 nhiệm vụ; 2–3 phút giải thích, tự kiểm và ghi lại phần cần hỗ trợ. Mỗi nhiệm vụ có thể gồm các câu nhỏ nhưng tổng lượng viết phải vừa sức. Đọc yêu cầu cho trẻ không tính là trợ giúp cách giải.

Đồ vật, hình vẽ và ký hiệu là các cách biểu diễn có thể qua lại. Không buộc mọi trẻ đi qua một chuỗi cứng, không cấm dùng đồ vật khi trẻ còn cần. Công thức hoặc kỹ thuật chỉ xuất hiện khi có ý nghĩa và điều kiện sử dụng được hiểu.

6. Cơ chế theo dõi và điều chỉnh

Mỗi lần quan sát ghi bốn thông tin: đáp án/lập luận lần đầu; cách trẻ biểu diễn; mức trợ giúp; điều trẻ tự sửa. Có thể ghi thời lượng xấp xỉ để nhận ra trẻ mệt hoặc một bài quá nặng; không so thời gian giữa các trẻ.

Mức trợ giúp: A0 = chỉ đọc lại yêu cầu hoặc không cần đọc; A1 = nhắc quan sát ví dụ/câu hỏi chung; A2 = gợi một bước toán học hoặc cùng thao tác; A3 = người lớn làm mẫu phần quyết định. Chỉ A0 được tính là làm độc lập trong kiểm tra lên bước. Đồ dùng đã quy định, trả lời miệng, đọc hộ đề và ghi đúng lời trẻ là hỗ trợ tiếp cận, vẫn có thể đạt A0 nếu không gợi cách giải.

Quy tắc thử cho kỹ năng hẹp: đạt ít nhất 7/8 nhiệm vụ mới phù hợp mục tiêu ở MỖI lần trong hai lần ngắn khác ngày, mức A0; tính câu trả lời đầu tiên, không tính điểm sau sửa. Đồng thời trẻ giải thích/biểu diễn được một nhiệm vụ chuyển giao. Tổng điểm đạt không thay thế kết quả từng mục; mục sai hoặc cần gợi ý vẫn được bổ trợ và kiểm riêng trước khi ghi đã vững. Với nhiệm vụ không chấm theo đúng-sai đơn giản, dùng mô tả năng lực riêng. Không dùng tỷ lệ này như chuẩn quốc gia, chuẩn Kumon hay bằng chứng hiệu quả.

Nếu đạt 5–6/8 hoặc còn một dạng sai lặp: dạy lại đúng dạng bằng đồ vật/hình, làm một lượng ôn nhỏ rồi kiểm bằng câu mới. Nếu đạt thấp hơn, cần nhiều trợ giúp, hay mất hứng thú: giảm độ khó, chia nhỏ mục tiêu hoặc đổi điểm vào. Không suy luận nguyên nhân hay gán

chẩn đoán từ một bài khảo sát.

Sau 3–7 ngày có thể kiểm giữ kiến thức bằng 3–4 câu ngắn; sau đó trộn một ít vào ôn tuần. Các khoảng này là lịch thử để điều chỉnh. Một câu sai do thao tác viết không được xem giống việc trẻ chưa hiểu số lượng; đáp án đúng sau khi được gợi cách không được ghi thành tự làm đúng.

7. Lộ trình sản xuất

Đợt A: khóa ma trộn mục tiêu từ chương trình chính thức; chốt cách ghi mức trợ giúp và chuẩn phiếu; hoàn thiện gói mẫu sáu buổi lớp 1 và hoạt động làm quen tương ứng.

Đợt B: thử gói nền tảng với một nhóm nhỏ do trung tâm lựa chọn, có người lớn đồng hành; quan sát lỗi, lượng chữ, thời gian và cảm nhận. Báo cáo đây là thử khả dụng/học liệu, không phải nghiên cứu chứng minh phương pháp. Không công khai hồ sơ nhận dạng trẻ.

Đợt C: sửa theo dữ liệu thử, hoàn thiện toàn bộ học phần số lượng–số–đếm–so sánh và học phần tách–gộp/cộng–trừ nhỏ; tạo biến thể bài ôn và kiểm tra. Khi một học phần đạt kiểm nội dung, đáp án và hiển thị thì mới đưa lên website.

Đợt D: mở rộng lần lượt phạm vi số, phép tính, hình học/đo lường và giải toán của lớp 1; sau đó triển khai lớp 2–5 theo ma trộn. Bản tiếng Anh được xây theo cùng mã mục tiêu và soát thuật ngữ riêng sau khi bản Việt ổn định, không dịch máy toàn bộ rồi công bố đồng loạt.

Tình trạng tại bản này: có khung lớp 1–5, nhánh làm quen, ma trộn lớp 1, khung tám tuần linh hoạt và sáu phiếu mẫu cùng hướng dẫn/đáp án. Chưa có bộ bài cả năm cho mỗi lớp; chưa có kết quả thử với trẻ hay kết luận hiệu quả.

8. Đưa lên website khi học liệu đã sẵn sàng

Đề nghị mục Học miễn phí / Toán tiểu học / Làm quen / Lớp 1 / Lớp 2 / Lớp 3 / Lớp 4 / Lớp 5. Mỗi lớp có trang chọn học phần và một gợi ý “Bắt đầu từ đâu?” bằng nhiệm vụ ngắn; không cần tài khoản để đọc hoặc tải phiếu.

Trang bài học cần có: mục tiêu nói bằng lời đơn giản; đồ dùng; chỉ dẫn đọc/nghe; ví dụ; phiếu A4; hoạt động đời sống; hướng dẫn tự kiểm; đường dẫn đáp án cho người lớn; bài trước/sau và bài bổ trợ. Hiện rõ phần đã có bài và phần đang xây dựng, tránh liên kết dẫn tới trang rỗng.

Không thu tên trẻ, ngày sinh hoặc trường học để cho phép tải học liệu miễn phí. Nếu sau này triển khai hồ sơ tiến độ trực tuyến, phải thiết kế riêng vai trò phụ huynh, cách lưu dữ liệu và quyền xóa; bản này dùng sổ theo dõi trên giấy hoặc tệp phụ huynh giữ. Lớp có giáo viên là lựa chọn riêng có đăng ký và học phí; không dùng việc đăng ký lớp làm điều kiện xem đáp án.

9. Cách nghiệm thu mỗi học phần

Phải có đối chiếu mục tiêu với chương trình; kiểm toán học/đáp án độc lập; ví dụ và yêu cầu đúng trình độ đọc; các trường hợp không/ít hơn/bằng nhau không gây nhập nhằng; hình không phụ thuộc màu; chữ A4 lớn và đủ chỗ viết; kiểm PDF và trang trên điện thoại. Nguồn chương trình, nguồn phương pháp và bài tự biên soạn được ghi riêng.

Không kết luận “đạt chương trình tiểu học” chỉ vì đã có bảng mục lục hay PDF xuất được. Trạng thái nên ghi theo từng học phần: khung; bản thảo; đã rà; đã thử; đã sửa; đã xuất bản. Mỗi lần công bố cần giữ phiên bản, bản đáp án tương ứng và lịch sử sửa lỗi.

Bản đồ chương trình và học phần dự kiến

Phần A là bản đồ biên soạn do Cùng Học Toán đề nghị, đối chiếu CT môn Toán ban hành kèm TT32/2018, tr.21-46. Đây không phải danh sách đầy đủ nguyên văn yêu cầu cần đạt. Giới hạn phép tính và trường hợp cụ thể phải kiểm lại trong research/VIET_NAM.md và trang chương trình gốc trước khi khóa từng học phần.

A. Khung lớp 1-5

Lớp	Các tuyến học cần biên soạn	Sản phẩm và minh chứng đề nghị
1	Ý nghĩa số trong 100; chục/đơn vị; cộng-trừ không nhớ; làm quen biểu thức có hai dấu cộng/trừ, tính từ trái sang phải; tình huống một phép tính. Hình quen thuộc, vị trí, đo độ dài bằng cm; giờ đúng và lịch.	Nối đồ vật, tranh và số; chọn phép tính trong chuyện; đo vật thật, đọc đồng hồ và giải thích cách kiểm tra. Không đặt thống kê-xác suất thành một mạch bắt buộc riêng của lớp 1.
2	Số trong 1.000; cộng-trừ theo giới hạn chương trình; ý nghĩa nhân/chia, bảng 2 và 5. Hình/đường, các đơn vị đo và thời gian, tiền; biểu đồ tranh, ngôn ngữ có thể/chắc chắn/không thể.	Diễn giải nhóm bằng nhau/chia nhóm; giải tình huống một bước; đo và đọc thông tin; dùng kết quả trò chơi để nói về khả năng.
3	Số trong 100.000; nhân/chia và bảng 2-9; biểu thức, bài toán đến hai bước; làm quen các phần bằng nhau 1/2 đến 1/9. Chu vi/diện tích cơ bản, góc và công cụ; bảng số liệu.	Chọn và nối hai bước giải; phân biệt chia có dư và chia thành phần bằng nhau; dựng/đo hình, đọc bảng, nêu khả năng trong một lần thử.
4	Hệ giá trị theo vị trí đến lớp triệu; tính nhiều chữ số; trung bình cộng và bài toán nhiều bước theo giới hạn chương trình. Phân số và các phép tính theo từng trường hợp; góc, quan hệ đường; biểu đồ cột.	Giải thích cách tính; biểu diễn phân số trước khi thao tác; phân tích dữ liệu và đơn vị; đọc/điền biểu đồ thay vì bắt vẽ ngoài yêu cầu.
5	Hoàn thiện số tự nhiên/phân số; số thập phân, tỉ số/phần trăm; đo, diện tích, thể tích và chuyển động đều. Đọc biểu đồ quạt; tỉ số số lần xuất hiện qua thí nghiệm đơn giản.	Giải tình huống tổng hợp, ước lượng và kiểm đơn vị; lựa chọn biểu diễn dữ liệu; giải thích kết quả trong ngữ cảnh. Chuẩn bị chuyển tiếp THCS bằng suy luận và mô hình, không chạy trước đại số hình thức.

Nguồn đối chiếu: [Chương trình môn Toán](#), lần lượt tr.21-24,24-28,29-34,34-40,40-46. Năm thành phần năng lực ở tr.6-15 đi xuyên suốt: tư duy/lập luận, mô hình hóa, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng công cụ.

B. Ma trận sản xuất lớp 1

Các mã dưới đây phục vụ quản lý bài do trung tâm tự biên soạn. Chúng không phải mã chuẩn của Bộ hoặc hệ trình độ Kumon. Một học phần có nhiều bài bước nhỏ; số bài chỉ chốt sau khi tách mục tiêu và thử học liệu.

Mã	Học phần	Tiền đề chính	Minh chứng kết thúc
L1-01	Số lượng, đếm và số 0-10	Hiểu chỉ dẫn qua lời/thao tác; ghép tương ứng nhỏ	Đếm không bỏ/lặp; tạo nhóm; nối lượng với số; nhận biết không có đồ vật.
L1-02	So sánh và sắp xếp	Đếm ở phạm vi đang học	So sánh qua ghép/đếm; giải thích kết quả khi cách xếp thay đổi; sắp xếp nhóm số đúng giới hạn.
L1-03	Tách-gộp, cộng-trừ trong 10	Hiểu tổng số và hai phần	Biểu diễn ý nghĩa, tính và chọn phép tính cho chuyện thêm/bớt/gộp ở phạm vi phù hợp.
L1-04	Giải tình huống bằng tranh và đồ vật	L1-01/03 theo số lượng dùng	Nêu điều đã biết, điều cần tìm, chọn cách làm và trả lời đúng ý câu hỏi.
L1-05	Một chục, số 11-20 rồi đến 100	Đếm/gộp trong 10	Tạo bó chục và đơn vị; đọc/viết; giải thích giá trị vị trí thay vì chỉ đọc thuộc dãy số.
L1-06	So sánh các số trong 100	L1-05	Dựa chục/đơn vị để so sánh, sắp xếp; không chỉ đoán theo một chữ số.
L1-07	Cộng-trừ không nhớ trong 100	Chục/đơn vị; cộng-trừ nhỏ	Nối cách tính với cấu tạo số, trình bày và kiểm tra; không đưa phép có nhớ vào nhãn chuẩn lớp 1.
L1-08	Hình dạng, vị trí, lắp ghép	Quan sát/chỉ/xếp; không đòi tính nhanh	Nhận hình phẳng/khối thuộc chuẩn, mô tả vị trí và lắp ghép qua nhiều hướng đặt.
L1-09	Độ dài, đơn vị và thước cm	So sánh trực tiếp; đếm đơn vị	Đặt đầu thước đúng, đọc số đo, đo/ước lượng và nói rõ đơn vị.
L1-10	Giờ đúng, tuần và lịch	Đọc số ở mức phù hợp	Đọc giờ đúng; xác định ngày, thứ và trình tự sinh hoạt bằng lịch.
L1-11	Toán trong sinh hoạt	Các tiền đề tương ứng của nhiệm vụ	Chọn công cụ, hình hoặc phép tính; giải thích và kiểm câu trả lời trong bối cảnh thực.
L1-12	Ôn và hồ sơ cuối lớp	Đã học các mục tiêu liên quan	Hồ sơ từng mạch: hiểu, làm, vận dụng, diễn đạt, công cụ; phát hiện đúng phần còn cần học tiếp.

Hình học và đo lường được đan xen từ đầu theo mục tiêu nhỏ; không chờ học hết L1-07 mới cho trẻ xếp hình hay đo đồ vật. Bảng là thứ tự biên soạn và quan hệ tiên quyết, không phải một lịch bắt mọi trẻ đi qua cùng nhịp.

Phân loại, mẫu lặp, đọc nhóm đồ vật có thể hỗ trợ hoặc mở rộng ở giai đoạn đầu. Cần ghi đúng nhãn; không suy diễn thành mạch thống kê-xác suất bắt buộc lớp 1. Hoạt động làm quen của trẻ trước lớp 1 được đánh mã riêng LQ, không đặt các kỹ thuật cộng-trừ trên giấy và đặt tính trong 100 thành đầu ra của nhánh ấy.

C. Mẫu dữ liệu một bài học trên website

Mỗi bài cần tên, mã, phiên bản, lớp/nhánh, mạch nội dung, mục tiêu quan sát được, tiền đề, nguồn chuẩn và trang đối chiếu. Học liệu gồm hướng dẫn, ví dụ, cách biểu diễn, phiếu học, đáp án, hoạt động chuyển giao, lỗi thường gặp và đường hỗ trợ.

Phần đánh giá lưu mô tả nhiệm vụ và mức trợ giúp, không tự biến việc bấm đúng một lựa chọn hoặc xem hết video thành chứng nhận thành thạo. Các đường bài trước/sau chỉ là gợi ý; một đường hỗ trợ theo đúng kỹ năng cần có thể đi ngang sang bài khác.

Trạng thái công bố theo từng bài: khung / bản thảo / đã rà / đã thử / đã sửa / đã xuất bản. Khung 40 buổi trong tệp KHUNG_8_CHANG_LOP_1.csv là danh mục mục tiêu của giai đoạn đầu trong phạm vi 10, không phải 40 bài đã soạn đầy đủ hoặc toàn bộ chương trình lớp 1. Các phần số đến 100, cm, giờ/lịch, khối hình và những yêu cầu còn lại cần học phần sau. Sáu phiếu mẫu được giao riêng trong bản này và đều mới ở mức đã biên soạn.

Khung tám chặng lớp 1

Dự kiến tám tuần theo nhịp cá nhân, khoảng năm buổi ngắn mỗi chặng. Đây là giai đoạn đầu trong phạm vi 10, chưa phủ trọn lớp 1; là bản đồ mục tiêu, chưa phải 40 bài đã soạn đầy đủ. Trẻ có thể vào ở chặng phù hợp, dừng củng cố hoặc đi nhanh hơn khi có bằng chứng. Hình học/đo lường được đan xen trong từng chặng.

Mã	Mục tiêu buổi học
L1-C1-B1	Trẻ tạo được nhóm có 1, 2 hoặc 3 đồ vật theo yêu cầu.
L1-C1-B2	Trẻ đếm từng vật trong nhóm 1-5 và trả lời có bao nhiêu.
L1-C1-B3	Trẻ nối nhóm trống với số 0 và nhóm có 1-5 vật với chữ số phù hợp.
L1-C1-B4	Trẻ đặt một đồ vật đúng vị trí trên, dưới, trước hoặc sau theo yêu cầu.
L1-C1-B5	Trẻ xác định tổng số 0-5 khi cùng một nhóm vật được đổi cách xếp.
L1-C2-B1	Trẻ ghép mỗi vật của nhóm này với đúng một vật của nhóm kia.
L1-C2-B2	Trẻ xác định hai nhóm 0-5 có bằng nhau về số lượng hay không.
L1-C2-B3	Trẻ xác định nhóm nhiều hơn hoặc ít hơn khi so hai nhóm 0-5.
L1-C2-B4	Trẻ nhận ra hình tròn hoặc hình tam giác trong các hình khác nhau.
L1-C2-B5	Trẻ nối một so sánh số lượng 0-5 đã hiểu với dấu =, > hoặc < phù hợp.
L1-C3-B1	Trẻ chia một nhóm có 2-4 vật thành hai phần và nói số vật mỗi phần.
L1-C3-B2	Trẻ biểu diễn được hai cách chia 5 vật thành hai phần.
L1-C3-B3	Trẻ tìm phần còn lại khi biết tổng là 5 và đã thấy một phần.
L1-C3-B4	Trẻ so sánh trực tiếp độ dài hai vật bằng cách đặt chung một đầu.
L1-C3-B5	Trẻ dựng lại hai phần của một tổng trong phạm vi 5 bằng vật hoặc hình mới.
L1-C4-B1	Trẻ xác định tổng khi gộp hai nhóm có tổng không quá 5.
L1-C4-B2	Trẻ xác định số vật sau khi thêm một nhóm nhỏ mà tổng không quá 5.
L1-C4-B3	Trẻ nối một tình huống gộp đã hiểu với phép cộng có tổng không quá 5.
L1-C4-B4	Trẻ nhận ra hình vuông hoặc hình chữ nhật khi đổi hướng đặt.
L1-C4-B5	Trẻ giải một chuyện gộp hoặc thêm mới có tổng không quá 5 bằng cách biểu diễn phù hợp.

Mã	Mục tiêu buổi học
L1-C5-B1	Trẻ xác định số vật còn lại sau khi lấy bớt từ một nhóm không quá 5.
L1-C5-B2	Trẻ biểu diễn được trường hợp bớt 0 và bớt hết từ một nhóm không quá 5.
L1-C5-B3	Trẻ nối một tình huống lấy bớt đã hiểu với phép trừ trong phạm vi 5.
L1-C5-B4	Trẻ so sánh trực tiếp chiều cao hai đồ vật đặt trên cùng một mặt phẳng.
L1-C5-B5	Trẻ giải một chuyện lấy bớt mới trong phạm vi 5 và kiểm tra phần còn lại.
L1-C6-B1	Trẻ đếm và tạo đúng nhóm có 6 hoặc 7 vật.
L1-C6-B2	Trẻ đếm và tạo đúng nhóm có 8 hoặc 9 vật.
L1-C6-B3	Trẻ xác định nhóm 10 vật và nối nhóm đó với số 10.
L1-C6-B4	Trẻ ghép các miếng hình theo một mẫu đơn giản.
L1-C6-B5	Trẻ so sánh và sắp thứ tự một số thẻ số trong phạm vi 0-10.
L1-C7-B1	Trẻ tách một nhóm 6-8 vật thành hai phần và xác định số vật mỗi phần.
L1-C7-B2	Trẻ tách nhóm 9 hoặc 10 vật thành hai phần và tìm phần thiếu trong một trường hợp đơn giản.
L1-C7-B3	Trẻ dùng cách tách-gộp đã hiểu để giải một phép cộng hoặc trừ đơn giản trong phạm vi 10.
L1-C7-B4	Trẻ đo độ dài một vật bằng các đơn vị rời bằng nhau đặt liên tiếp.
L1-C7-B5	Trẻ giải một chuyện cộng hoặc trừ đơn giản trong phạm vi 10 bằng cách đã chọn.
L1-C8-B1	Trẻ xác định và so sánh số lượng 0-10 trong một nhiệm vụ đời sống mới.
L1-C8-B2	Trẻ tìm phần còn thiếu của một tổng không quá 10 khi vật hoặc cách trình bày thay đổi.
L1-C8-B3	Trẻ chọn phép cộng hoặc trừ phù hợp để giải một chuyện mới trong phạm vi 10.
L1-C8-B4	Trẻ dùng ghép hình hoặc đo trực tiếp để giải một nhiệm vụ sắp đồ đơn giản.
L1-C8-B5	Trẻ giải độc lập một nhiệm vụ chuyển ngữ cảnh phù hợp với mục tiêu đang được xác nhận.

Nguồn chính đã đọc

- 1. Chương trình môn Toán, Bộ GDĐT, TT32/2018, lớp1-5 tr.21-46
- 2. Kumon Việt Nam: trình độ vừa đúng

3. Kumon Group: Self-Learning
4. Kumon Việt Nam: Toán
5. IES/WWC: Teaching Math to Young Children, 2013
6. NAEYC-NCTM: Early Childhood Mathematics

Danh mục nguồn đầy đủ, số trang, sửa đổi chương trình và giới hạn suy luận ở các tệp research/VIET_NAM.md, KUMON.md, EARLY_MATH.md trong gói thiết kế. Các quy tắc thử và học liệu mẫu do CHT tự đề xuất.